Nghiên cứu
Tôn giáo
Số 10 (190), 2019, 122-135

GUNUNG HALIM*

NHÀ SƯ THỂ CHÍNH - NGƯỜI KHAI SÁNG VÀ XÂY DỰNG GIÁO LÝ CƠ BẢN CỦA "PHẬT GIÁO PHẬT THỪA" Ở INDONESIA

Tóm tắt: *Phật giáo ở Indonesia là một trong 5 tôn giáo lớn được Nhà nước Indonesia thừa nhận. Đó là một hình thức Phật giáo mới do nhà sư Thể Chính sáng lập dựa trên niềm tin vào "Trời" của "nhất thần giáo" kết hợp với Phật giáo Nam Truyền, Phật giáo Bắc Truyền và Phật giáo Mật tông. Giáo lý cơ bản của Phật giáo Phật thừa dựa trên tư tưởng: Chính Trí, Chính Kiến. Tư tưởng này mang 5 đặc điểm: Không phân biệt tông phái; Tính bao dung; Tính toàn thể; Tính bình đẳng và Duy nhất một vị thần. Suốt cuộc đời, nhà sư Thể Chính đã hiến dâng cho việc giảng đạo và bồi dưỡng tăng tài. Ông cũng đã tích cực xây dựng các ngôi chùa và các tu viện để phát triển Phật giáo.*

Từ khóa: *Phật giáo Phật thừa; nhà sư Thể Chính; Phật giáo ở Indonesia.*

Dẫn nhập

Phật giáo từ Ấn Độ được truyền tới Indonesia vào thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên. Phật giáo ở Indonesia phát triển mạnh nhất từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIV, đặc biệt dưới sự trị vì của vương triều Hạ Liên Đức La (Masa Kerajaan Syailendra) và Thất Lợi Phật Thệ (Masa Kerajaan Sriwijaya). Khi Islam giáo được truyền tới Indonesia đã gây ảnh hưởng nhất định tới việc phát triển Phật giáo ở quốc gia này. Từ đó, Phật giáo ở Indonesia dần dần suy yếu. Khi Indonesia trở thành

* Thích Học Sơn (释学山), Nghiên cứu sinh Khoa Triết học, Đại học Nam Kinh, Trung Quốc.
Ngày nhận bài: 23/9/2019; Ngày biên tập: 30/9/2019; Duyệt đăng: 06/10/2019.

một thuộc địa của Hà Lan, Phật giáo không tránh khỏi bị ảnh hưởng bởi sự công kích. Chỉ đến năm 1945, khi Indonesia bắt đầu độc lập, Phật giáo mới có khả năng phục hồi. Năm 1950, nhà sư Thể Chính xuất gia và truyền bá Phật pháp. Ông là người lãnh đạo Phật giáo đầu tiên ở Indonesia sau khi đất nước độc lập. Ông cũng là người đầu tiên được chính phủ đương thời công nhận là tu sĩ Phật giáo. Dưới sự lãnh đạo của ông, Phật giáo Indonesia dần dần được phục hưng. Nhà sư Thể Chính đề xướng chủ trương Phật giáo không nên chia thành các tông phái nên ông đã thành lập *Phật giáo Phật thừa* ở Indonesia từ năm 1963 đến năm 1966. Dưới sự lãnh đạo của nhà sư Thể Chính, nhiều chùa thờ Phật được xây dựng; nhiều người xuất gia, và thậm chí nhiều người không phải là Phật tử cũng bị thu hút để trở thành tín đồ Phật giáo. Điều đó làm cho Phật giáo ở Indonesia hòa nhập tốt hơn vào xã hội. Có thể nói rằng, nhà sư Thể Chính đã đóng góp rất nhiều cho việc phát triển Phật giáo đương đại tại Indonesia.

1. Thân thế và sự nghiệp của nhà sư Thể Chính

Nhà sư Thể Chính (Bhikkhu Asin Jinarakkhita), thế danh là Trịnh Mãn An[1], là người Hoa kiều, sinh ra ở Jawa Barat (Tây Giai Oa). Cha là ông Trịnh Hồng Ký - trưởng thôn nơi ông sinh ra; Mẹ là Trần Hiệp Muội, mất khi Sư lên hai tuổi. Ông là con thứ ba trong gia đình có 3 anh em. Từ nhỏ, ông đã có cảm tình sâu sắc với Phật giáo, cư xử với mọi người trên tinh thần giới luật Phật giáo. Ông theo học bí thuật từ một pháp sư Hà Lan tên là Regih, với mục đích để chữa bệnh. Sau đó, vì ảnh hưởng của ông nội, ông theo đuổi chế độ ăn chay suốt cuộc đời. Trong suốt những năm đại học, ông không những có cảm tình với Phật giáo mà còn quan tâm đến khoa học và chủ nghĩa thần bí. Sau khi Nhật Bản xâm chiếm Indonesia, ông buộc phải thôi học để về nhà giúp cha, đồng thời tham gia ủng hộ lương thực cứu giúp người nghèo.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, ông từ Indonesia đến một trường đại học ở Hà Lan. Trong thời gian đó, ông không chỉ học chuyên ngành hóa học mà còn quan tâm đến triết học và thần học. Đồng thời ông cũng tham gia vào các hoạt động từ thiện xã hội của Hội Thần học và các tổ chức khác. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông chuyên tâm

nghiên cứu Phật giáo. Năm 1951, ông trở về nước để tham gia xây dựng tổ chức Tam giáo (Nho-Phật-Lão) ở Indonesia và được bầu làm Chủ tịch. Đồng thời ông còn được bầu làm Phó Chủ tịch Trung tâm Thần học. Ngày 23 tháng 5 năm 1953, tại tháp Xá Lợi Phật ở Giai Oa, nhà sư Thể Chính tổ chức ngày lễ Phật Đản. Sau đó, ngày này đã trở thành ngày nghỉ lễ hợp pháp của Indonesia. Kết quả này của nhà sư Thể Chính được coi là đóng góp đầu tiên cho Phật giáo ở Indonesia.

Trong thời kỳ học tập Phật pháp ở Indonesia, ông thường đến chùa Quảng Hoa theo học Phật giáo Hán truyền với nhà sư Bản Thanh. Nhà sư Bản Thanh vốn người Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến đến Malaysia truyền đạo. Tháng 6 năm 1953, ông chính thức thế phát xuất gia với nhà sư Bản Thanh. Xuất gia không lâu, sư phụ viên tịch. Nhà sư Thể Chính sang Myanmar tu học thiền Phật giáo Nguyên thủy và đạt được sự tiến bộ rõ rệt trong việc tu tập thiền học.

Nhà sư Thể Chính trở về Indonesia từ Myanmar vào ngày 17 tháng 1 năm 1955. Sau này, Sư làm đại diện cho cộng đồng Phật giáo ở Indonesia tham dự Hội nghị Tăng già Phật giáo Thế giới lần thứ 6 và được bầu làm Phó Chủ tịch. Đồng thời, Sư tham gia và làm quản lý cho Hội Từ Thiện của tổ chức Từ thiện Phật giáo Thế giới. Năm 1963, Sư được bầu làm thủ lĩnh Tăng đoàn Phật giáo Indonesia[2]. Ngày 18 tháng 4 năm 2002, Sư viên tịch tại Thủ đô Jakarta, hưởng thọ 79 tuổi.

Sư Thể Chính là người đầu tiên có công phục hưng Phật giáo ở Indonesia sau 500 năm suy tàn. Việc đề xướng "Phật giáo Phật thừa" của nhà sư Thể Chính đã đóng góp rất nhiều cho sự hồi phục Phật giáo ở Indonesia và các tư tưởng cũng như văn hóa ở quốc gia này. Vì vậy, Chính phủ Indonesia đã trao cho danh hiệu cao quý: "Người cha của Tăng đoàn Phật giáo Indonesia"[3] cho nhà sư Thể Chính. Đây là danh vị cao quý nhất dành cho một vị sư tăng ở Indonesia.

2. Bối cảnh thành lập và nền tảng tư tưởng của "Phật giáo Phật thừa"

2.1. Bối cảnh thành lập

Một vài tổ chức Phật giáo hiểu lầm về Phật giáo Phật thừa ở Indonesia. Họ cho rằng: Đây là tổ chức do người Indonesia sáng tạo ra, là tà đạo, là dối trá. Sự hiểu lầm này đã ảnh hưởng tới việc phát triển

Phật giáo ở Indonesia và chia rẽ thành các nhánh trong Phật giáo Phật thừa. Tuy nhiên, cần phải hiểu Phật giáo Phật thừa được thành lập trong bối cảnh xã hội rộng lớn và sâu sắc.

Năm 1885, Tỷ Khiêu H. S. Olcort và Tỷ khiêu Y. A. Mahasthavira Sumanggala tại Sri Lanka đã thành lập "Khóa tu Phật giáo Quốc Tế", tượng trưng cho tính quốc tế của Phật giáo quốc tế. Năm 1891, Tỷ Khiêu H.S. Olcort đưa ra mười bốn quy tắc dành cho tất cả tín đồ Phật giáo. Quy ước này đã được lãnh đạo Phật giáo Bắc truyền và Nam truyền chấp nhận.

Năm 1943, một học giả Phật tử người Anh là Christmashumphreys xuất bản tạp chí Phật giáo đầu tiên có tính quốc tế có tên là *The Middle Way* (Trung Đạo). Năm 1945, Christmashumphreys đề xuất 12 điều khoản nhằm mục đích thống nhất các tông phái Phật giáo trên toàn thế giới. Từ đó dẫn đến năm 1950 *Hiệp hội Phật giáo Thế Giới* (World Followship of Buddhists - WFB) được thành lập; Đến năm 1966 đổi thành *Hiệp hội Tăng già Phật giáo Thế Giới* (The World Buddhist Sangha Council - WBSC). Những tổ chức này ra đời nhằm đoàn kết các lực lượng Phật giáo trên toàn thế giới.

Ngày 9 tháng 3 năm 1974, dưới sự điều hành của Tiến sĩ Buddhadasa Kirtisinghe, *Hội thảo Phật giáo Quốc tế lần thứ 3* đã được tổ chức tại New York. Tại diễn đàn này, lần đầu tiên, khái niệm "Nhất thừa", hoặc "Phật thừa" được đưa ra với mục đích hy vọng cộng đồng Phật giáo sẽ mạnh mẽ hơn và đoàn kết hơn. Từ đó, "Phật thừa" đã trở thành một khái niệm phổ biến trong giới Phật giáo trên khắp thế giới và đã trở thành tên chung của tất cả các giáo phái[4]. Điều này chứng minh Phật giáo trên khắp thế giới, đặc biệt những trí thức Phật học ở Âu - Mỹ và châu Á muốn đoàn kết để trở về với trí tuệ thuần khiết nhất, để giáo lý của Đức Phật không bao giờ bị tiêu diệt. Đây cũng là tinh thần cốt lõi của Phật giáo. Khái niệm "Phật thừa" tại Hội nghị có tác động lớn tới Phật giáo ở Indonesia. Hội nghị Tăng già Indonesia cho rằng, không cần phải phân biệt giáo phái hay tông phái. Các tông phái, giáo phái trong nước cần có một lý tưởng chung để phát triển Phật giáo chân chính. Việc thành lập "Phật giáo Phật thừa"

và tư tưởng của nó đã thay đổi trạng thái Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy và là nét đặc sắc của Phật giáo Indonesia. Vì vậy, theo một nghĩa rộng, Phật giáo Phật thừa của Indonesia bị ảnh hưởng bởi xu hướng phát triển của Phật giáo quốc tế. Nó có thể được sử dụng như một lời giải thích cho một số người hiểu lầm về Phật giáo. Qua thời gian, Phật giáo Phật thừa đã chứng minh cho sự đúng đắn của Phật giáo ở Indonesia.

Phật giáo Phật thừa ở Indonesia được thành lập và phồn thịnh dưới sự thúc đẩy của nhà sư Thể Chính. Năm 2001, trong Hội nghị Tăng già lần thứ VII của Phật giáo Indonesia, nhà sư Thể Chính đã nêu ba điều cơ bản để thành lập tổ chức này:

Điều 1: Những người tu hành trong Phật giáo phải ủng hộ lý tưởng quan điểm "Phật thừa" hoặc "Nhất thừa", hoằng truyền giáo lý tam tạng, không phân chia tông phái.

Điều 2: Không kể là Phật giáo Nam truyền, Bắc truyền hay Tạng truyền, khi thực hành tư tưởng Phật giáo Phật thừa đều phải chú trọng kết hợp việc học và hành, nhận thức và thực tiễn.

Điều 3: Duy trì tinh thần đoàn kết của Phật giáo Phật thừa và từ bỏ những ý tưởng chống đối[5].

Nhà sư Thể Chính nhấn mạnh trọng tâm của Phật giáo Phật thừa là: Bình đẳng, không cực đoan và không phân biệt. Dù đó là Phật giáo Nam truyền, Phật giáo Bắc truyền hay Phật giáo Tạng truyền. Đó đều là Phật giáo Phật thừa. Jack Kornfiled đã viết trong cuốn *The Wise Heart - A Guide to the Universal Teachings of Buddhist Phsychology:* "Tư tưởng cốt lõi của Phật giáo Phật thừa là bao hàm hết tư tưởng của Phật giáo Nam truyền, Bắc truyền và Tạng truyền"[6].

Phật giáo Phật thừa do nhà sư Thể Chính đề xướng cũng được giới cư sĩ Phật giáo ở Indonesia ủng hộ. Dưới sự lãnh đạo của Tăng già và sự hỗ trợ của cư sĩ Phật tử, Phật giáo Phật thừa đã được phát triển rộng, thể hiện ở các mặt: Thành lập những tổ chức cơ sở, như: Tổ chức thanh thiếu niên Phật giáo, tổ chức cho người lớn tuổi, tổ chức cho sinh viên đại học và tổ chức cho các thành phần khác trong xã hội. Tổng số chùa trên cả nước hơn 500 ngôi là những đạo tràng tu học của

các tổ chức này. Ngoài việc hoằng pháp còn trú trọng giao lưu đối thoại giữa các tổ chức. Từ các tổ chức này, Phật giáo của Indonesia được phát triển rõ rệt.

2.2. Nền tảng tư tưởng của "Phật giáo Phật thừa"

Tư tưởng của Phật giáo Phật thừa dựa trên nền tảng tư tưởng "Thiên-Trời" của "Nhất thần giáo" ở Indonesia. Chính phủ Indonesia thúc đẩy mạnh niềm tin vào nhất thần giáo. Nếu tôn giáo nào không có yếu tố "Trời" thì sẽ không được liệt kê vào một trong những tôn giáo lớn ở Indonesia.

Để phù hợp với chính sách tôn giáo và nhận được sự chấp thuận của chính phủ, nhà sư Thể Chính đưa ra khái niệm "Trời" trong Phật giáo là "Nam mô Phật đà la" (Kính lễ các Đức Phật). Dùng câu "Nam mô Phật đà da" để chỉ cho nghĩa tương đồng với "Trời" chính là một bước tiến của Phật giáo nơi đây.

Indonesia là một quốc gia có nhiều tôn giáo và tín ngưỡng, trong chính sách tôn giáo của Chính phủ nêu yếu tố "Trời" là sùng bái độc tôn, là lẽ trời cao nhất, là cội nguồn để tất cả phải nương vào nó mà tồn tại. Còn triết lý Phật giáo ở Indonesia cho rằng: "Trời" chỉ cho từ bi vĩ đại, trí tuệ vĩ đại, thành tựu vĩ đại, hay còn gọi là: Từ, bi, hỷ, xả. Do đó, phải hợp nguyên lý của Phật giáo với nguyên lý "Trời" của Chính phủ quy định.

Ngay sau ngày 17/8/1945 Indonesia giành độc lập, Bộ Tôn giáo Chính phủ và Pháp luật của quốc gia đã quy định: "Trời" là nền tảng để thành lập chính phủ quốc gia, đó cũng là nhận thức chung của tất cả tôn giáo, tín ngưỡng và của toàn thể xã hội. Lấy tiền đề "Trời" mà đề xướng khẩu hiệu: "Một quốc gia, một chính sách, một ngôn ngữ, một chế độ, một lý tưởng"[7]. Đây là những điểm chung và là nét mang tính đặc sắc của đất nước Indonesia. Đương nhiên, Chính phủ cũng phải bảo hộ và có những chính sách để mỗi tôn giáo được tự do phát huy cũng như các tôn giáo cư xử với nhau phải hòa mục, cùng nhau tôn trọng. Cho nên mỗi tôn giáo ở Indonesia tuy không cùng chủng tộc, không cùng tín ngưỡng nhưng vẫn cùng tồn tại hòa mục trong một quốc gia, dưới một bầu trời.

Thiên-Trời trong tiếng Phạn, được gọi là Sura. *Sura* dịch là "Đề bà", "Tô la", có nghĩa là ánh sáng, tự nhiên, tinh khiết, tự tại, tối thắng. "Trời" trong lục đạo chỉ cho chúng sinh có địa vị cao nhất, còn được gọi là: Trời nhân (người trời), thiên chúng... hay còn được gọi là "Thần". Nếu tu tứ thiền, bát định, thập thiện có thể được sinh lên cõi Trời nên gọi là "Thiên thừa Phật giáo". Nếu người tại gia, nương vào đạo đức này mà tu, sau khi chết có thể sinh lên cõi Trời.

Để củng cố niềm tin vào "Trời", Chính phủ Indonesia đã quy định dưới hình thức luật định: "Vì Trời, ta xin thề (Điều 2). Còn đối với Phật giáo đổi thành: "Vì Đức Phật duy nhất, tôi xin thề"[8]. Kiểu tuyên thệ này là một quy định của Chính phủ đối với các tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Đồng thời, "Tứ ân" của Phật giáo cũng có sự tương đồng với chính sách tôn giáo: Báo ân Tam Bảo phù hợp với niềm tin nhất thần. Báo ân cha mẹ, phù hợp với yêu kính người lãnh đạo quốc gia. Báo ân chúng sinh phù hợp với cư xử hòa mục với mọi người trong xã hội. Báo ân quốc gia phù hợp với tùy thuận làm theo pháp luật của đất nước.

Sở dĩ Phật giáo Phật thừa có thể phối hợp với chính sách tôn giáo của quốc gia và giáo lý cơ bản của Phật giáo là vì ba nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, Phật giáo Phật thừa chủ trương đạo Trời và chúng sinh đều nương vào "Tính Trời" làm cội gốc. Đây là ảnh hưởng yếu tố "Trời" của nhất thần giáo. *Thứ hai*, Phật giáo Phật thừa cho rằng, tính của con người vốn là lành, vì lành nên đầy đủ bốn đức tính tốt: Từ bi hỷ xả, xa lìa tham, sân, si, mạn, nghi, xúc tiến xây dựng xã hội an vui, hòa bình. *Thứ ba*, Phật giáo Phật thừa đề xướng tích cực thực hành mười điều lành khi không làm mười điều ác dưới đây: Sát sinh; Trộm cắp; Tà dâm; Nói dối; Nói lời thô tục; Nói lưỡi đôi chiều; Nói lời thêu dệt; Tham; Sân; Si.

Yếu tố "Trời" của Nhất thần giáo nhằm mục đích là để thống nhất thiên hạ, để đồng hóa các nhân sĩ trong nước cho đến chính sách của quốc gia. Chính phủ hy vọng: Đem những đức tính tốt của "Trời": Nhân từ, trí tuệ, dung nhập vào xã hội, đặc biệt là vào những người có niềm tin tôn giáo, và cũng hy vọng nhân dân đều nương vào những niềm tin này ứng dụng vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo Phật thừa

3.1. Định nghĩa Phật giáo Phật thừa

Ban đầu, định nghĩa "Phật thừa" dễ khiến người học Phật liên tưởng đây chỉ là thuật ngữ của Phật giáo. Nhưng thuật ngữ này trong Phật giáo Phật thừa ở Indonesia lại có nghĩa mở rộng hơn.

Thông thường cho rằng: "Phật thừa" được định nghĩa từ kinh Pháp Hoa nói về tam thừa: "Thanh văn thừa" dụ cho xe Dê; "Duyên giác thừa" dụ cho xe Hươu; "Bồ tát thừa" dụ cho xe Bò. Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh yếu tố: "Hội tam quy nhất" - Đem ba thừa quy về một Phật thừa. Do đó, "Phật thừa" còn có nghĩa "Nhất thừa".

Chữ "Giáo" trong "Nhất thừa giáo" có tiếng phạn là *Agama* (tiếng Pali là *Panna*; Tiếng Anh là *Wisdom*) đều có nghĩa thứ nhất là: "Trí tuệ", "Bất hoại", "Thiện lương". Nghĩa thứ hai là: Giáo lý, lời dạy bảo. "Giáo" đề cập đến hành vi, triết học, tư tưởng, lý trí, nghi thức v.v… Phật giáo nhấn mạnh: "Hành giải tương ưng" - Hiểu biết và thực hành phải luôn đi song hành với nhau. Đây là phương pháp tu hành rất căn bản của việc tu đạo giải thoát. Joseph Goldstein chỉ ra: "Khi chúng ta có khát vọng để thâm nhập hiểu về Phật pháp, đạt đến nội tâm hòa bình và an vui, xa lìa mê hoặc và phiền não, lúc bấy giờ chúng ta đã bước vào cánh cửa Phật thừa"[9].

Nhà sư Thể Chính cũng chỉ ra rằng, Phật giáo Phật thừa không có hệ phái, đầy đủ tính bao dung và bình đẳng. Điều này làm cho Phật giáo Phật thừa có thể hấp thu tư tưởng văn hóa của các phái Phật giáo khác nhau, và cho những người có nền văn hóa khác nhau học nội dung Phật giáo Phật thừa.

Giáo lý Phật giáo Phật thừa có 13 nội dung đã nói lên đặc điểm của Phật giáo Indonesia.

1) Mở ra hướng tích cực.

2) Mục đích hướng đến giải thoát.

3) Thể hiện hy vọng của Phật giáo.

4) Không phân môn phái.

5) Trong sự bất đồng của các tông phái mà vẫn có sự đoàn kết.

6) Giữ gìn sự khác biệt của các tông phái nhưng trong sự đoàn kết và hợp tác.

7) Xúc tiến hòa bình thế giới.

8) Có một tên gọi chung là "Nhất Phật thừa".

9) Trong các hệ phái riêng vẫn duy trì một ý tưởng chung.

10) Đại diện cho toàn thểPhật pháp.

11) Đại diện cho Phật pháp căn bản.

12) Đại diện cho đặc sắc của Phật giáo Indonesia.

13) Là tổ chức Phật giáo Phật thừa ở Indonesia.

Từ nội dung 1 đến nội dung 7 đề cập đến tư tưởng thống nhất của Phật giáo Phật thừa, có tính quốc tế, tính mở rộng, tính cộng đồng. Từ nội dung 8 đến nội dung 13 thể hiện sự đoàn kết của tổ chức này[10].

3.2. Giáo nghĩa cơ bản

Trong suốt quá trình hình thành Phật giáo Phật thừa, những người sáng lập luôn tìm cách thiết lập tư tưởng chủ đạo và cuối cùng đã xây dựng lên một hệ tư tưởng: Chính trí, Chính kiến làm cơ sở lý luận. Tư tưởng này thể hiện ở năm yếu tố: không giáo phái, khoan dung, đa giáo phái hợp làm một thể, tính phổ biến và nhất thần giáo. Cụ thể:

(1) Không giáo phái. Nghĩa là không chấp chặt vào tư tưởng của các phái. Không có bất cứ ý tưởng cực đoan hay hiểu nhầm, phán đoán hay căm ghét nào với nhau. Đặc biệt trong nhóm chung, không có hiện tượng ngăn chặn sự phát triển của những nhóm khác.

(2) Tính Bao dung. Tất cả tư tưởng chưa có sự thống nhất trong bối cảnh văn hóa khác nhau đều cùng thống nhất để làm cho Phật giáo phát triển[11].

(3) Tính toàn thể (Các tông phái làm một thể). Nhiều phái quy về một thể, đó cũng là tính bao dung. Nhưng làm sao để đạt đến chân lý thì không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt mà phải dùng đoàn kết trong thực tiễn. "Nhất thể" là nhấn mạnh lực lượng đoàn kết, nhấn mạnh việc tiếp nhận và tôn kính các tông phái khác nhau để thực hiện việc xây dựng xã hội loài người hòa bình, hài hòa.

(4) Bình đẳng (tính phổ biến). Tính bình đẳng có nguồn gốc từ hai nguyên nhân: (1). Từ học thuyết thần học của truyền thống Indonesia cho rằng: Hết thảy mọi người về sau đều được tế độ. (2). Niềm tin Kitô giáo xây dựng từ thế kỷ 18, tức là tin vào sự giải thoát có tính phổ biến[12]. Trong sự phát triển của Phật giáo Phật thừa đã kết hợp hai tư tưởng này dung hòa lại. Trong tính phổ biến dung nhập sắc thái thần học của thượng đế: Mọi người đến từ thượng đế trên Trời, và sau này sẽ trở về với thượng đế.

(5) "Trời" của nhất thần giáo và Phật tính. Triết lý Phật giáo Phật thừa công nhận Đức Phật có ba thân: Pháp thân, báo thân, hóa thân. Pháp thân Phật chỉ có Phật tính sáng suốt của Phật và chúng sinh vốn như nhau. Nhân mê nên là chúng sinh, giác ngộ là thành Phật. Báo thân chỉ thân của Phật có đủ: Phúc đức và trí tuệ. Thân Ứng hóa là thân Phật thị hiện ra trên đời này như Phật Thích Ca sinh ra ở Ấn Độ. Pháp thân hay Phật tính của Phật giáo ở Indonesia được xem như là yếu tố "Trời" của Nhất thần giáo. "Trời" bao hàm thiên lý tối cao, có tính định hướng, bất biến, thanh tịnh tuyệt đối, thần thánh tuyệt đối, là chốn nương tựa của tất cả tín ngưỡng, tôn giáo ở nước này. Phật giáo muốn phát triển được ở quốc gia này thì cũng phải "cách nghĩa": Phương pháp tương đồng trong giáo nghĩa để được tồn tại và phát triển.

4. Giáo lý Phật giáo Phật thừa trong nội dung giáo dục ở Indonesia

Sau khi thụ giới từ Myanmar trở về, nhà sư Thể Chính bắt đầu truyền đạo ở Indonesia. Trong quá trình truyền đạo có hai cư sĩ tích cực làm việc với Sư là: Bapak Kettut Tangkas và Oka Diputhera. Sau khi Phật giáo Phật thừa được Chính phủ công nhận là một trong 5 tôn giáo lớn của Indonesia, ông Oka Diputhera được bầu làm đại biểu đại diện Phật giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ nước này. Chính phủ Indonesia ủng hộ mọi người có thể tự do chọn niềm tin tôn giáo của mình, đồng thời cho phép các tôn giáo được đem các giáo trình tôn giáo mình vào hệ thống giáo dục của quốc gia. Việc giảng dạy Phật học do cư sĩ Oka Diputhera phụ trách. Ngài Oka Diputhera đã mời

thầy Thể Chính biên soạn giáo trình Phật học cho hệ thống giáo dục ở Indonesia.

Thầy Thể Chính đã chỉ đạo biên soạn giáo trình cho các cấp học: học sinh tiểu học gồm 6 năm; trung học 3 năm, trung học phổ thông 3 năm. Nội dung chính bao gồm: 1) Niềm tin vào Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng); 2) Học giới luật và thực hành trung hiếu (trung hiếu với Tam Bảo, cha mẹ, quốc gia); 3) Tín đồ Phật giáo ắt phải có 6 niềm tin: Tin vào "Trời" của nhất thần giáo; Tin vào Phật, Bồ tát, thần tiên; Tin vào Tam Bảo; Tin vào Pháp thánh đế (Tứ đế, nghiệp và luân hồi; tam pháp ấn; khổ, vô thường, vô ngã, nhân duyên); Tin vào tam tạng (Kinh, Luật, Luận); Tin vào Niết Bàn tịch tĩnh[13].

Để tiếp nhận quan điểm giáo dục Phật giáo của thầy Thể Chính và thống nhất các tư tưởng của các tông phái Phật giáo khác nhau, Bộ Tôn giáo Chính phủ Indonesia đã lấy những nội dung giáo dục của thầy Thể Chính làm phương pháp giáo dục của Phật giáo giáo[14]. Ví dụ:

Thứ nhất, tin vào "Nhất thần giáo" là lẽ Trời duy nhất.

Thứ hai, tin vào Tam Bảo.

Thứ ba, tin vào Bốn Thánh đế (Khổ tập diệt đạo).

Thứ tư, tin vào nhân duyên và pháp duyên khởi.

Thứ năm, tin vào nhân quả.

Thứ sáu, tin vào sự sinh tử luân hồi.

Thứ bảy, tin vào tam pháp ấn.

Thứ tám, tin vào cảnh giới Niết Bàn

Thứ chín, tin vào Phật và Bồ tát.

Chính phủ Indonesia quy định rằng: Ba trường phái chính của Phật giáo (Nam truyền, Bắc truyền, Tạng truyền) đều phải công nhận và chấp nhận 9 tư tưởng trên. Bằng cách này, đã đảm bảo sự thống nhất và hòa hợp của Phật giáo ở Indonesia.

Thêm vào đó, sau khi Hiệp hội Phật giáo Indonesia được thành lập, các tư tưởng chủ đạo của Phật giáo được xây dựng nhằm biểu thị giáo nghĩa và tông chỉ. Nội dung như sau:

1. Trung thành tuyệt đối.

2. Học tập trí tuệ.

3. Phát tâm đại từ bi.

4. Tu 3 nghiệp: thân, khẩu, ý trong sạch.

5. Lấy năm giới của Phật làm tiêu chuẩn trong đời sống hàng ngày.

6. Học hiểu bốn chân lý: Khổ tập diệt đạo.

7. Thực hành Bát chính đạo: Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mệnh, Chính tinh tiến, Chính niệm, Chính định.

8. Tu tam học: Giới, định, tuệ.

9. Thường tư duy mười hai nhân duyên: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử.

10. Thực hành hiếu đạo, thể hội chứng ngộ Niết Bàn mầu nhiệm.

Mười điều trên là tư tưởng trọng tâm của Phật giáo Phật thừa. Cũng là sứ mệnh và nhiệm vụ căn bản của tổ chức này[15]. Mục đích là vì truyền bá giáo lý Phật giáo, tăng cường sự tu dưỡng của cá nhân với Phật pháp, từ đó xây dựng xã hội hài hòa.

Kết luận

Phật giáo Phật thừa tại Indonesia do nhà sư Thể Chính sáng lập. Đây là một hình thức Phật pháp mới nhằm mục đích dung hòa Phật giáo Nam truyền, Bắc truyền và Tạng truyền. Phật giáo Phật thừa là một trong 5 tôn giáo lớn được Bộ Tôn giáo Chính phủ Indonesia công nhận. Nhà sư Thể Chính căn cứ vào yếu tố "Trời" của nhất thần giáo kết hợp với tư tưởng, tín ngưỡng Phật giáo truyền thống mà thiết lập thành tư tưởng cơ bản của Phật giáo Phật thừa.

Nhà sư Thể Chính đã cống hiến cả cuộc đời mình để truyền bá Phật giáo, tuyên truyền chủ trương của Phật giáo Phật thừa; đã đem hết tâm lực, trí tuệ cống hiến cho sự nghiệp Phật giáo khiến cho Phật giáo Phật thừa tiến đến thế giới tương lai; đồng thời cũng hết lòng bồi dưỡng các thanh niên Phật tử truyền bá Phật giáo rộng rãi. /.

CHÚ THÍCH:

1 Ir. Edij Juangar (1995), *Đem hạt giống Phật pháp phổ biến khắp Iindonesia*, (lược truyện thiền sư thể chính), Nxb. Jinarakkhita, tr. 18.

2 Biksu Dharmawimala (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. Tập đoàn Phật thừa, tr. 9.
3 Số hiệu công nhận quốc gia này 9/8/2005, "Keppres R. I. Nomor 056/TK/Tahun 2005, ditetapkan di Jakarta pada tanggal 9 Agustus 2005"
4 Biksu Dharmawimala (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. tập đoàn Phật thừa, 8.
5 Biksu Dharmawimala (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. tập đoàn Phật thừa, 9.
6 Ajahn Amaro (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. Tập đoàn Phật thừa, tr. 4.
7 Drs. Oka Diputhera (1986), *Giáo dục Phật giáo*, Nxb. Tập đoàn Phật thừa, tr. 71.
8 Tập đoàn Tạp chí Phật giáo, *Phật nhẫn, 2008*, *Lễ Phật đản Tập đoàn tạp chí Phật giáo. 14*. Nguyên văn: "Demi Sanghyang Adi Buddha,saya bersumpah/berjanji" ; "demi allah" untuk umat Buddha diganti "Demi Sanghyang Adi Buddha"
9 Joseph Goldstein (2002), *Nhất pháp*, Nxb. Harper Collins Books, tr. 27. Nguyên văn tiếng Anh: "... the gateway of one dharma, happens when we find ourselves yearning for deeper understanding or a sense of peace and completion away from the superficial conventions and entanglements that often sem to engulf us."
10 Harkiman Racheman (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. Tập đoàn Phật thừa, tr. 218-219.
11 Hudaya Kandahjaya (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Nxb. Tập đoàn Phật thừa, tr. 51.
12 Hudaya Kandahjaya (2012), *Phật thừa luận văn tập*, Sđd, tr. 51.
13 Oka Diputhera (2006), *Phật giáo tỉnh giác*, Nxb. Jakarta, tr. 31.
14 Drs. Oka Diputra (1987), *Buddha Sasana*, Nxb. Tập đoàn Phật giáo, tr. 127.
15 Keluarga Buddhayana (2008), *Văn kiện đại hội lần 8 Hội nghị Toàn quốc Phật giáo Phật thừa*, Nxb. Hiệp hội Phật giáo Indonesia, tr. 65-84.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ir. Edij Juangar （1995), Menabur Benih Dharma Di Nusantara, Riwayat Singkat Bhukhu Ashin Jinarakkhita, Y.P.Karania, hal 18.
2. Joseph Goldstein (2002), *One Dharma: The Emerging Western Buddhism*, Harper Collins Books.
3. Biksu Dharmawimala (2012), Sudhamek Aws, Hudaya Kandahjay, Herman Racheman,Ven. Bhikkhu Bodhi, Ajahn Amaro, Buddhayana Values, Edij, J Heru Suherman Lim, Penerbit：Keluarga Buddhayana.
4. Hudaya Kandahjaya (2012), Tan Hana Dharmma Mangrwa, Buddhayana Values, (tiada dharma mandua), juni.
5. Harkiman Racheman (2012), Ekumenisme Buddhis Di Indonesia: Sebuah Perspektif Buddhayana, Buddhayana Values, juni.
6. Biksu Dharmawimala (2012), Buddhayana Dan Kontekstualisasi Agama Buddha Di Indonesia, Buddhayana Values, Penerbit: Keluarga Buddhayana.
7. Ajahn Amaro (2012), Buddhayana Values, Edij, J. Heru Suherman Lim, Penerbit: Keluarga Buddhayana.
8. G.O.R. "Patriot" Kodam Iv Diponegoro, Drarma Santi Waisak 1999 Buddhayana Jawa Tengah, Semarang, 23 Juni 1996.
9. Tim Penyusun, Buku Pedoman Guru, "Pendidikan Agama Buddha", Tingkat Menengah Kelas I, Penerbit: CV. Nitra Kencana Buana, 2004.

10. Hudaya Kandahjaya (2012), "Buddhayana Values" Tan Hana Dharmma Mangrwa, (Tiada Dharma Mandua), juni.
11. Sudhamek Aws (2012), Eksplorasi Nilai-Nilai Buddhayana, Buddhayana Values, Buddhayana Values, juni.
12. Di tulis oleh Tin Peyusun (2008), Majalah Buddhis, Buku Acara Dharmasanti Weisak 2552, Se-Jawa Barat.
13. Drs. Oka Diputra "Buddha Sasana" Pendidikan Agama Buddha, S.M.T.A Kelas I, Penerbit Yayasan Buddha Jakarta, 1986.
14. Oka Diputhera (2006), "Agama Buddha Bangkit", Jakarta.
15. Drs. Oka Diputra "Buddha Sasana", Pendidikan Agama Buddha, S.M.T.A Kelas II, Penerbit Yayasan Buddha Jakarta, 1987.
16. *The Oxford Dictionary of World Religions*, Oxford University Press, edited by john Browker, 1997.
17. Keluarga Buddhayana, "Musyawarah Nasional VIII", MBI, Tahun, 2008.

Abstract

MASTER TIZHENG - THE FOUNDER OF BUDDHIST BUDDHISM'S BASIC DOCTRINES IN INDONESIA

Gunung Halim (Shixueshan)
Post-graduate, Faculty of Philosophy,
Nanjing University, China

Indonesian Buddhist Buddhism is one of the five major religions recognized by Indonesia's State. It is a new form of Buddhism initiated by Tizheng Master on the premise of the belief in the "heaven" of monotheism and on the basis of the integration of Southern, Northern and Tibet Buddhism. The teachings of Buddhist Buddhism are based on the thought of righteousness and uprightness, which include five characteristics such as non-sectarianism, tolerance, holism, equality and monotheism. Master Tizheng devoted his life to preach Buddhism and to cultivate talents. He also actively established Buddhist temples and monasteries to promote Buddhist Buddhism.

Keywords: Buddhist Buddhism; Tizheng Master; Indonesian Buddhist Buddhism; Heaven; Monotheism.